

Số: 2016/BC-UBND

*Hương Trà, ngày 13 tháng 6 năm 2024*

**BÁO CÁO**  
**Công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024**

Thực hiện Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh của thị xã Hương Trà năm 2024, UBND thị xã báo cáo tình hình công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**

**1. Về kế hoạch CCHC**

UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh của thị xã Hương Trà năm 2024, trong đó quy định trách nhiệm, thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Theo các nội dung, nhiệm vụ tại Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thị xã Hương Trà, trong 6 tháng đầu năm 2024 đã hoàn thành 22 nhiệm vụ đạt tỷ lệ 100% và tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nội dung, nhiệm vụ trong năm 2024.

**2. Công tác chỉ đạo, điều hành**

UBND thị xã xác định CCHC là một trong những nhiệm vụ trọng điểm của Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm và phân công cụ thể các nhiệm vụ và trách nhiệm từng cơ quan, đơn vị tại Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh của thị xã Hương Trà năm 2024.

Bên cạnh đó UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 08/01/2024 duy trì và nâng cao chỉ số cải cách hành chính của UBND thị xã Hương Trà năm 2024, Kế hoạch số 1527/KH-UBND ngày 06/5/2024 triển khai tổ chức Hội thi trực tuyến tìm hiểu công tác cải cách hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2024, Kế hoạch số 973/KH-UBND ngày 03/4/2024 thực hiện khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thị xã năm 2024.

UBND thị xã ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 về Phê duyệt Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thị xã năm 2024; Kế hoạch số 621/KH-UBND ngày 05/03/2024 về Chuyển đổi số thị xã Hương Trà năm 2024; Kế hoạch số 622/KH-UBND ngày 05/03/2024 về nâng cao chất lượng phục vụ trong thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2024 trên địa bàn thị xã Hương Trà; Công văn số 605/UBND-

CNTT ngày 04/3/2024 về triển khai thanh toán hồ sơ giải quyết TTHC không dùng tiền mặt tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các phường xã.

### **3. Về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước**

Tiếp tục thực hiện các chỉ thị về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước; nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn thị xã;

UBND thị xã đã ban hành Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thị xã Hương Trà về đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn thị xã Hương Trà.

- Tổ Công tác 358/QĐ-UBND đã ban hành kế hoạch số 125/KH-TCT ngày 20/3/2024 về kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đã tiến hành kiểm tra có thông báo trước với 02 đơn vị, kiểm tra đột xuất với 05 đơn vị.

### **4. Công tác kiểm tra CCHC**

UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 26/01/2024 của UBND thị xã Hương Trà về việc kiểm tra công tác CCHC, thực hiện ý kiến chỉ đạo (YKCD) và kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng năm 2024 để đánh giá thực trạng tình hình công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện về công tác CCHC của cơ quan, địa phương; nhân rộng các cơ quan, đơn vị điển hình, tiên tiến, kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn, vướng mắc để xác định nguyên nhân trách nhiệm và đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ, khắc phục những hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn thị xã.

Trong đó kiểm tra đối với 4 xã, phường và 6 cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc thị xã và kiểm tra đột xuất không thông báo đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, phường trên địa bàn thị xã. Đến nay đã hoàn thành Kế hoạch số 272/KH-UBND và đã có thông báo kết luận kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị.

### **5. Về công tác tuyên truyền**

UBND thị xã ban hành Kế hoạch số 3574/KH-UBND ngày 27/12/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2024 trên địa bàn thị xã Hương Trà. Trên cơ sở Kế hoạch của thị xã, Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao bám sát các văn bản, chỉ đạo của cấp trên để thực hiện tin, bài trong các Chương trình thời sự hàng ngày của Đài Truyền thanh thị xã, phối hợp tuyên truyền trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

Thực hiện tuyên truyền trực quan các nội dung về cải cách TTHC trên bảng màn hình điện tử tại công viên thị xã, xây dựng nội dung tuyên truyền CCHC trên cụm pano tại trung tâm thị xã.

Việc đăng tải thông tin về CCHC được thực hiện thường xuyên trên Trang Thông tin điện tử của UBND thị xã, Trang thông tin điện tử của Phòng Văn hóa và Thông tin, Trang thông tin điện tử của Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao; thường xuyên cập nhật và đăng tải thông tin liên quan CCHC, kịp thời công khai các TTHC mới, các TTHC sửa đổi, bổ sung trên Trang thông tin điện tử thị

xã và chỉ đạo các địa phương cập nhật lên trang thông tin điện tử của địa phương mình nhằm cung cấp thông tin, công khai các TTHC đến người dân.

Từ ngày 15/12/2023 đến 11/6/2024, Trang thông tin điện tử thị xã đã đăng 32 tin bài tuyên truyền về CCHC, 17 tin bài trên kênh chuyên đổi số, 7 phóng sự, 01 cụm pano CCHC, 01 nội dung tuyên truyền CCHC trên màn hình led tại công viên. Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao thị xã đã duy trì thường xuyên 2 chuyên đề về CCHC trên hệ thống truyền thanh thị xã.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

Thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả, nhằm đảm bảo văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL (luật năm 2015), UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 3510/KH-UBND ngày 21/12/2023 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn thị xã Hương Trà; Kế hoạch số 3511/KH-UBND ngày 21/12/2023 về việc tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thị xã năm 2024; Kế hoạch số 3482/KH-UBND ngày 20/12/2023 về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thị xã năm 2024; Kế hoạch số 3553/KH-UBND ngày 25/12/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thị xã Hương Trà năm 2024; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 04/01/2024 về công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2024.

Ủy ban nhân dân thị xã đề nghị Hội đồng nhân dân thị xã thông qua 01 Nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội năm 2024 trên địa bàn thị xã Hương Trà.

Công tác rà soát, kiểm tra văn bản QPPL luôn được quan tâm và đẩy mạnh, đã chỉ đạo Phòng Tư pháp tiến hành kiểm tra, rà soát các Nghị quyết do HĐND thị xã, HĐND và UBND các xã, phường ban hành; các Quyết định và Chỉ thị của UBND thị xã theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

UBND thị xã Hương Trà tổ chức Hội nghị phổ biến, truyền truyền với các nội dung như sau: Luật Đấu Thầu, Luật Giá, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, luật Phòng thủ dân sự. Ngoài ra còn triển khai lồng ghép bồi dưỡng kiến thức pháp luật và tăng cường nghiệp vụ, cập nhật, cung cấp kiến thức pháp luật cho cán bộ, công chức làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, người có uy tín trong cộng đồng dân cư giúp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 và Phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức huấn luyện bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ tập huấn viên, hoà giải viên và tuyên truyền viên với khoảng 140 lượt người tham gia.

Ủy ban nhân dân thị xã quyết định công bố danh mục văn bản Quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thị xã, Ủy ban nhân dân thị xã ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ năm 2023 với 02 Nghị quyết và 06 Quyết định và quyết định công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà nhiệm kỳ 2019 - 2023 với 36 văn bản trong đó văn bản còn hiệu lực 15 văn bản và hết hiệu lực 21 văn bản.

Căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước và tình hình thực tiễn địa phương, UBND thị xã thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu, tổ chức

soạn thảo các văn bản có nội dung quy phạm pháp luật tùy theo tính chất và nội dung của văn bản dự thảo, tổ chức thực hiện lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và được Phòng Tư pháp thẩm định trước khi trình HĐND và UBND thị xã, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

### ***a. Công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính***

Tham mưu UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 08/01/2024 về Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn thị xã Hương Trà và Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 08/01/2024 của UBND thị xã về việc Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn thị xã Hương Trà, báo cáo số 763/BC-UBND, ngày 19/3/2024 về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý I năm 2024.

Trong thời gian qua công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thị xã đạt được những kết quả tích cực. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường đã nghiêm túc tổ chức thực hiện các hoạt động rà soát, đơn giản hóa TTHC, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản; tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định. Việc công khai các thủ tục hành chính theo quy định tại Trung tâm Hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các phường, xã được thực hiện nghiêm túc.

Tiếp tục duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử thị xã, UBND các xã, phường nhằm cung cấp thông tin, công khai các quy trình, thủ tục hành chính và triển khai dịch vụ công như: tra cứu chính sách pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành; các mẫu đơn, thủ tục hành chính,...

### ***b. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông***

Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà đã cụ thể hóa, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và địa phương nhằm nâng cao việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bru chính công ích, cụ thể: Quán triệt, chỉ đạo công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc huyện thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ thực hiện một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg, ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bru chính công ích. Kết quả thực hiện như sau:

- Ủy ban nhân dân thị xã đã quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ thực hiện một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP; Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg, ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND thị xã đã tổ chức triển khai đến cơ quan, đơn vị thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Thường xuyên kiện toàn bố trí lại cán bộ, công chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công thị xã theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; duy trì 4 thực hiện quy chế tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công thị xã.

- Tại Trung tâm Hành chính công thị xã được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị như máy tính, máy scan, máy in, máy bấm số thứ tự, kiốt tra cứu hồ sơ, tủ đựng tài liệu, bàn, ghế, bàn quây cho cán bộ, công chức, ghế ngồi chờ của tổ chức, công dân, bảng niêm yết các danh mục TTHC theo quy định đảm bảo phục vụ cho người dân đến giao dịch, tra cứu.

- Trung tâm hành chính công thị xã, UBND các xã, phường đã niêm yết công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã theo quy định tại bảng Niêm yết của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại cấp xã và trên Trang thông tin điện tử các xã, phường.

### ***c. Tình hình và kết quả giải quyết TTHC***

Trong 6 tháng đầu năm 2024, tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 05/6/2024:

- Tại Trung tâm hành chính công thị xã đã tiếp nhận tổng số 3.507 hồ sơ. Trong đó, có 2.067 hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ 58,8%.

+ Hồ sơ đã giải quyết 2.902 hồ sơ, trong đó đã giải quyết trước và đúng hạn: 2.895 hồ sơ; đã giải quyết trễ hạn: 07 hồ sơ.

+ Hồ sơ đang giải quyết: 605 hồ sơ trong hạn.

- Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các xã, phường đã tiếp nhận tổng số 6.191 hồ sơ. Trong đó, có 4.204 hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ 67,9%.

+ Hồ sơ đã giải quyết 5.975 hồ sơ, trong đó đã giải quyết trước và đúng hạn: 5.935 hồ sơ; đã giải quyết trễ hạn: 40 hồ sơ.

+ Hồ sơ đang giải quyết: 216 hồ sơ, trong đó đang giải quyết trong hạn là 212 hồ sơ, đang giải quyết quá hạn 04 hồ sơ.

- 100% hồ sơ giải quyết TTHC được tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công thị xã, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các phường, xã được số hóa.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

UBND thị xã chỉ đạo Phòng Nội vụ tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, quy định lại chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thị xã. Từ đó chức năng nhiệm vụ của nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước được phân cấp theo quy định, công việc giải quyết đúng tiến độ, sát thực tế hơn. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương khóa XII, UBND thị xã đã ban hành nhiều văn bản thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức, bộ máy nhà nước ở địa phương.

Đến nay đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 11/11 cơ quan chuyên môn.

UBND thị xã đã ban hành Công văn triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc, đơn vị trường học, Hội Chữ thập đỏ; hiện nay, đã hoàn thành và trình UBND tỉnh phê duyệt đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

##### ***a. Kết quả công tác quản lý, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền***

UBND thị xã đã ban hành quyết định điều động, tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu cử, thực hiện quy trình điều động, thực hiện quy trình bầu cử, đề nghị cấp có thẩm quyền phê chuẩn: 06 trường hợp trong đó:

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quy trình điều động 01 cán bộ cấp xã đến nhận công tác tại Cơ quan Đảng, Đoàn thể thị xã;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quy trình điều động 02 công chức tại các cơ quan chuyên môn đến nhận công tác tại UBND các xã, phường; 01 công chức cơ quan chuyên môn đến nhận công tác tại Cơ quan Đảng, Đoàn thể thị xã;

- Thực hiện tiếp nhận 01 cán bộ cấp xã vào chức công cấp xã;

UBND thị xã thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã.

##### ***b. Công tác quản lý, sử dụng biên chế***

- Biên chế công chức giao năm 2024: 78 biên chế.

- Số công chức có mặt là 76 người.

- Còn lại: 02 biên chế; hiện nay, UBND thị xã đề nghị Sở Nội vụ để thực hiện quy trình điều động và bố trí vào làm công chức tại các cơ quan chuyên môn.

- Biên chế sự nghiệp giao năm 2023 là 1.178 người, trong đó:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập khác: 43 người (trong đó: bao gồm 14 biên chế viên chức trong cơ quan hành chính chuyển sang)

+ Trung tâm Hành chính công thị xã: 04 người;

+ Hội Chữ thập đỏ thị xã: 02 người;

+ Đơn vị sự nghiệp giáo dục: 1.129 người (gồm các đơn vị trường học: 1.084 người; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: 45 người)

- Số viên chức có mặt (tại thời điểm ngày 10/3/2024) là 1.176 người, trong đó:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập khác: 43 người;

+ Trung tâm Hành chính công thị xã: 04 người;

+ Hội Chữ thập đỏ thị xã: 02 người;

+ Đơn vị sự nghiệp giáo dục: 1.127 người (gồm các đơn vị trường học: 1.083 người; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: 44 người).

- Số lượng người làm việc chưa thực hiện: 02 người (trong đó đơn vị sự nghiệp giáo dục 02 người)

- Số lượng hợp đồng lao động theo ND 111 giao năm 2023: 63 người, trong đó:

+ Cơ quan hành chính: 09 người;

+ Đơn vị sự nghiệp công lập khác: 03 người;

+ Đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 51 người.

- Số người lao động hợp đồng theo NĐ111 có mặt (tại thời điểm ngày 31/12/2023) là 63 người, trong đó:

+ Cơ quan hành chính: 09 người;

+ Đơn vị sự nghiệp công lập khác: 03 người;

+ Đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 51 người.

Tiến hành xếp lương, nâng lương và nâng phụ cấp TNVK đối với 89 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

Ban hành thông báo và quyết định nghỉ hưu đối với 05 cán bộ, công chức, viên chức.

Đã ban hành quyết định thành lập, kiện toàn 12 Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Đoàn Kiểm tra, Tổ thẩm định,... liên quan đến các lĩnh vực QLNN trên địa bàn.

### **5. Về cải cách tài chính công**

Công tác phân cấp ngân sách đã có những đổi mới cơ bản, nâng cao quyền chủ động và trách nhiệm của các đơn vị, các địa phương và các ngành sử dụng ngân sách, giảm được nhiều khâu trung gian, thủ tục không cần thiết trong phân bổ ngân sách.

Tính đến ngày 11/06/2024, thu ngân sách đạt 62.898 triệu đồng/287.010 triệu đồng, tỷ lệ 21,91% theo kế hoạch được giao.

Về việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công luôn tuân thủ theo quy định hiện hành, đúng tiêu chuẩn, định mức và các quy định trong việc lựa chọn nhà thầu đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản. Thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền trong quá trình thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản công. Các đơn vị đã xây dựng quy chế quản lý sử dụng tài sản công tiết kiệm, hiệu quả. Rà soát, đề xuất phương án xử lý đối với tài sản dôi dư không có nhu cầu sử dụng, tài sản hư hỏng, xuống cấp không sử dụng được.

Trong quý I năm 2024, đã yêu cầu các đơn vị thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023. Nghiêm túc thực hiện Chỉ thị 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và Chỉ thị 15/CTUBND ngày 06/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại điều 7 Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính; Cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trong cơ sở dữ liệu tài sản công tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 75/2019/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác.

UBND thị xã đã ban hành quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của thị xã tại Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 12/01/2024.

Đối với Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công, UBND thị xã đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư cam kết giải ngân theo từng tháng, quý; phần đầu trong năm tỷ lệ giải ngân đạt 95%; tỷ lệ giải ngân 6 tháng đầu năm dự kiến đạt khoảng 39%.

UBND thị xã đã thực hiện có hiệu quả công tác cải cách tài chính công bằng việc giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế, kinh phí chi tiêu nội bộ. Qua đó, nhiều đơn vị đã siết chặt hơn việc quản lý tài sản công, tiết kiệm được kinh phí cho đơn vị, tăng thu nhập cho người lao động...

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Theo đó, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thị xã đã tiến hành xây dựng chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế và kinh phí chi tiêu nội bộ. Tất cả các cơ quan, đơn vị đều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong cơ quan, Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ sau khi được ban hành, các đơn vị sự nghiệp công lập đã tiến hành thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, phát huy tính dân chủ, sáng tạo của người lao động, thay đổi kỹ năng quản lý, thực hiện tiết kiệm nghiêm túc, đúng quy chế và có Công văn số 526/UBND-TCKH ngày 27/02/2024 về báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP năm 2023.

## **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số:**

### ***a. Việc triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước, trao đổi thông tin giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân***

Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ngày càng được quan tâm, đã đầu tư mua sắm trang thiết bị làm việc để phục vụ tốt cho công tác chuyên môn của các cơ quan đơn vị trên địa bàn. Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 621/KH-UBND ngày 05/3/2024 của UBND thị xã về Chuyển đổi số thị xã Hương Trà năm 2024.

Trong thời gian qua, tình hình ứng dụng CNTT đạt nhiều kết quả tích cực. Tiếp tục triển khai các hội nghị trực tuyến từ thị xã đến các xã, phường.

Trang thông tin điện tử của thị xã hoạt động thường xuyên, có hiệu quả, đã kịp thời thông tin công tác chỉ đạo điều hành của thị xã, tình hình kinh tế xã hội – ANQP và hệ thống văn bản cho người dân được biết, trả lời những phản ánh kiến nghị của người dân thông qua tiện ích tiếp nhận ý kiến của người dân trên trang thông tin điện tử. Trang thông tin điện tử 09/09 phường, xã hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.

Tiếp tục duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử thị xã, UBND các xã, phường và các cơ quan trực thuộc nhằm cung cấp thông tin, công khai các quy trình, thủ tục hành chính và triển khai dịch vụ công như: tra cứu chính sách pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành; các mẫu đơn, thủ tục hành chính.

Hệ thống dịch vụ đô thị thông minh: Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND thị xã đã tiếp nhận 28 phản ánh, trong đó đã xử lý 27 phản ánh đúng hạn và đang xử lý 01 phản ánh trong hạn.

### ***b. Việc sử dụng các phần mềm vào giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, địa phương***

Tất cả các cơ quan đơn vị đã sử dụng khá tốt phần mềm Đăng ký lịch và phát hành giấy mời qua mạng, trong 6 tháng đầu năm 2024 đã tham mưu UBND thị xã phát hành 107 giấy mời của UBND thị xã trên môi trường mạng.

Phần mềm theo dõi ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, thị xã: Trong 6 tháng đầu năm 2024 (từ ngày 15/12/2023 đến ngày 11/6/2024), UBND thị xã có 166 YKCD, hoàn thành 151 YKCD trong đó có 142 YKCD đúng hạn, 09 YKCD quá hạn; đang xử lý 15 YKCD trong hạn.



Phần mềm theo dõi tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo đã được Ban tiếp công dân thị xã, Thanh tra thị xã và các phòng ban liên quan triển khai sử dụng đúng yêu cầu.

100% các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thị xã và UBND các phường, xã sử dụng hệ thống mạng diện rộng trên cơ sở kết nối mạng CPNet và internet tập trung bằng công nghệ Metronet tại tất cả - Vận hành có hiệu quả các phần mềm dùng chung, ký số tất cả các văn bản lưu thông trên mạng.

Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đã được các cơ quan, đơn vị triển khai khá tốt, đã tiếp nhận 7.201 văn bản đến, ban hành 2.856 văn bản đi trên phần mềm tất cả đều được ký số; đã tiếp nhận, xử lý, lưu thông văn bản thông qua 2 hệ thống phần mềm của thị xã và của các phòng ban, các phường, xã.

### ***c. Về Hệ thống Quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015***

Đã tham mưu triển khai thực hiện việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại UBND cấp xã, UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 218/KH-UBND, ngày 23/01/2024 về việc Triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND thị xã Hương Trà năm 2024.

Triển khai việc kiểm tra đánh giá hoạt động duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn thị xã năm 2024 và triển khai đánh giá tại UBND các xã, phường và các Phòng, đơn vị thuộc phạm vi áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

Công tác CCHC trên địa bàn thị xã ngày càng có nhiều chuyển biến đáng kể, chất lượng và hiệu quả công việc ngày càng được nâng lên rõ nét, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Công tác giải quyết TTHC được các cơ quan, ban ngành và UBND các xã, phường triển khai thực hiện có hiệu quả; Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn ngày càng giảm, tính công khai, minh bạch không ngừng được cải thiện.

Hoạt động của Trung tâm Hành chính công thị xã và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các xã, phường từng bước đi vào nề nếp, số thủ tục hành chính sai, trễ hạn giảm đáng kể, thời gian giải quyết hồ sơ từng bước được rút ngắn. Năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của cơ quan hành chính ngày càng hiện đại, hiệu quả. Tỷ lệ thanh toán không sử dụng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến được cải thiện so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, công tác thể chế hoá được thực hiện một cách nghiêm túc có sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã từ đó các văn bản ban hành được triển khai thực hiện thống nhất đến cơ sở; đồng thời,

có tác động rất lớn, tạo hành lang pháp lý trong việc bảo đảm hoạt động hiệu quả của bộ máy nhà nước, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của Nhà nước và Nhân dân; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

Trong quá trình xây dựng văn bản, các đơn vị đã tuân thủ đúng quy trình, trình tự, thủ tục xây dựng VBQPPL theo quy định. Do đó, các văn bản sau khi ban hành cơ bản đảm bảo về thể thức, chất lượng nội dung. Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế trong quá trình xây dựng và ban hành VBQPPL như: Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác văn bản ở các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường mang tính chất kiêm nhiệm, nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu soạn thảo, ban hành VBQPPL. Ngoài ra về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở cấp Huyện và cấp xã phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác CCHC trên địa bàn thị xã vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần sớm được khắc phục, đó là:

- Một số địa phương, đơn vị quan tâm chưa đúng mức trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo về cải cách hành chính.

- Chất lượng hoạt động ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại một số địa phương chưa cao, giải quyết hồ sơ có lúc còn chậm trễ, trang thiết bị phục vụ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại cấp xã và Trung tâm Hành chính công thị xã chưa đáp ứng yêu cầu công tác chuyển đổi số, chính quyền số.

- Tỷ lệ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến ở một số đơn vị phường, xã còn thấp.

- Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa làm hết chức trách, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp chưa thấu đáo, đầy đủ.

- Phối hợp giải quyết thủ tục hành chính của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa kịp thời, chặt chẽ; một số hồ sơ quá hạn, hồ sơ trả yêu cầu bổ sung nhiều lần; một số TTHC liên thông phối hợp giải quyết ở nhiều ngành chưa được phối hợp tốt dẫn đến kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức còn chậm so với thời gian quy định.

- Lãnh đạo một số đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác quản lý, sử dụng tài sản công; cán bộ, công chức phụ trách quản lý, theo dõi tài sản công còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ. Chế độ báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công một số đơn vị chưa đảm bảo thời gian quy định, hiện tại việc theo dõi cập nhật phân tăng, giảm tài sản của một số cơ quan, đơn vị kịp thời.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

1. Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 26/12/2023.

2. Thực hiện kiểm tra kỷ cương, kỷ luật hành chính đối với cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường trên địa bàn thị xã, chú trọng kiểm tra đột xuất. Đẩy

mạnh công tác chỉ đạo, điều hành, đưa công tác CCHC ở các cơ quan, đơn vị, địa phương hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

3. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về công tác CCHC năm 2024 với nhiều hình thức, đồng thời giới thiệu, nêu gương các cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến trong công tác CCHC.

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của UBND cấp xã.

5. Tiếp tục sắp xếp, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận một cửa các xã, phường nhằm đáp ứng được yêu cầu của công tác CCHC.

6. Thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng chuyển đổi vị trí công tác theo quy định.

7. Tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa các văn bản QPPL; việc kiểm soát, rà soát, đơn giản hóa TTHC, công tác cải cách tài chính công...

8. Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ công tác CCHC, ứng dụng CNTT và áp dụng, duy trì cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015..../.

9. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị thực hiện dự án, tăng cường giải quyết hồ sơ trên môi trường mạng, thực hiện cơ chế xử lý hồ sơ một cửa đảm bảo đúng thời gian theo quy định của các Trung tâm phục vụ hành chính công thị xã, tạo điều kiện tối đa giải quyết thủ tục cho các chủ đầu tư./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; (để b/c)
- Sở Nội vụ; (để b/c)
- Thường vụ Thị ủy; (để b/c)
- TT HĐND thị xã; (để b/c)
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đỗ Ngọc An**

**HỆ THỐNG**  
**PHỤ LỤC BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 2016/BC-UBND ngày 13 /6/2024 của UBND thị xã)*

**Phụ lục 2**

**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	15	
2.	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100%	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	31	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	22	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1	Số cơ quan, đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2	Số UBND cấp xã, phường đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	Vấn đề	0	
3.3.2	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	Vấn đề	0	
4	<b>Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao</b>			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	166	
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	142	
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	9	
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	730	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
6	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	0	

### Phụ lục 3

#### BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành</b>	Văn bản	11	
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	2	
1.1.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	9	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	9	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	-	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	<i>-</i>	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>-</i>	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	44	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	<i>44</i>	
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>11</i>	

**Phụ lục 4**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU**  
**BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	384	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	132	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	52	Trong đó: - Cấp huyện: 35 - Cấp xã: 17
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,80%	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	1902	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	2895	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,33%	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	5975	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	5935	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.3.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.3.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	

## Phụ lục 5

### BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	42	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	6	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	78	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	76	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	9	Hợp đồng theo Nghị định 111
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1241	gồm biên viên chức và HĐ 111
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1239	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

## Phụ lục 6

### BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	11	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	41	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	32	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		



## Phụ lục 7

### BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>	<b>39%</b>	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	180,594	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	70.43	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	<b>Đơn vị</b>	<b>42</b>	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	41	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

**Phụ lục 8**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG**  
**VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	100	
4.	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%		
5.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	
5.2.3	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
6.	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			

6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%		
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	<i>Thủ tục</i>	184	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	<i>Thủ tục</i>	184	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	49	
6.2.1.	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	<i>Thủ tục</i>	49	
6.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	<i>Thủ tục</i>	39	
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	58,90%	
6.3.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	<i>Thủ tục</i>	3507	
6.3.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	<i>Thủ tục</i>	2067	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	58,90%	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	<i>Hồ sơ</i>	3507	
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	<i>Hồ sơ</i>	2067	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	65	
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	65	cổng DVC tỉnh